TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 691/2025/HNGĐ–ST.
Ngày: 31-3-2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm
2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh N-Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2059/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1823/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: nhà không số (kế bên nhà số F), đường C, tổ C, khu phố Í, phường T, thành phố T, Tp . (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1986

Địa chỉ: D hẻm D đường số H, khu phố Í, phường T, thành phố T, Tp . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 6 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T trình bày:

Bà Nguyễn Cẩm T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 15 tháng 3 năm 2011. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về tài chính trong gia đình, ông H không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hai bên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Kim N1, sinh ngày: 27/01/2012 và Nguyễn Chí B, sinh ngày: 02/7/2019. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông H đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do ông H vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T; về án phí bà Nguyễn Cẩm T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Cẩm T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42/KH, quyển số 01-2011 vào ngày 15 tháng 3 năm 2011. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà T, vợ chồng chung sống đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông H không có trách nhiệm với gia đình, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, bà T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Hội đồng xét xử xét: tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng thương yêu, quý trọng và cùng có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ khi bà T nộp đơn khởi kiện ly hôn, ông H không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập ông H đến Tòa án để giải quyết nhưng ông H đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà T. Cho thấy ông H không có biện pháp tích cực để đoàn tụ, hàn gắn, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà T. Xét, nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Kim N1, sinh ngày: 27/01/2012 và Nguyễn Chí B, sinh ngày: 02/7/2019. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, theo lời khai của bà T từ khi ly thân 02 con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, trẻ N1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi

mọi mặt của người con được sống ổn định, được phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần, việc bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: bà T khai không có.

[3.4] Về nợ chung: bà T khai không có

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm T phải chịu án phí 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0042399 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Cẩm T và ông Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42/KH, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Cẩm T và ông Nguyễn Văn H không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Kim N1, sinh ngày: 27/01/2012 và Nguyễn Chí B, sinh ngày: 02/7/2019 cho bà Nguyễn Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Nguyễn Cẩm T tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà T khai không có

Về nợ chung: bà T khai không có

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Cảm T1 phải chịu án phí 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0042399 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Cẩm T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂNJCHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS Tp.Thủ Đức;
- UBND xã Bình Phước Xuân
huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Mai Trâm